

PHƯƠNG THỨC ĐỊNH DANH CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÝ Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Particular methods of naming geographical objects in Quang Binh province

Nguyễn Đình Hùng¹

Tóm tắt

Bài viết trình bày giới thuyết chung về phương thức định danh. Nêu cách thức định danh cho các đối tượng địa lý của vùng đất bao gồm phương thức định danh tự tạo và phương thức chuyển hóa với một số cách đặt tên cụ thể, điển hình ở địa danh tỉnh Quảng Bình. Qua đó thấy được nét chung trong phương thức tạo lập địa danh của các địa phương khác trong nước và đặc điểm riêng trong cách gọi tên các đối tượng địa lý ở Quảng Bình.

Từ khóa: Quảng Bình, địa danh, phương thức định danh, tự tạo, chuyển hóa.

Abstract

This article primarily clarifies the specific ways of naming Quang Binh's places. To this end, the article, first of all, introduces the general theory of toponymy, which serves as the foundation for this research. Subsequently, the article presents particular methods of naming the region's geographical objects, namely the self-created procedure and the transfer procedure, which are illustrated with typical examples of Quang Binh's name placing. As a whole, the article purposely highlights common features of the whole country's regions' name placing and distinctive features in Quang Binh's.

Keywords: Quang Binh, place name, ways of naming places, self-created, transfer.

1. Giới thuyết chung về phương thức định danh

Địa danh là những từ hoặc ngữ, được dùng làm tên riêng của địa hình thiên nhiên, các đơn vị hành chính, các vùng lãnh thổ và các công trình xây dựng thiên về không gian hai chiều (Lê Trung Hoa 2010, tr. 22). Địa danh là đối tượng quan tâm của nhiều lĩnh vực khoa học như lịch sử, địa lý, dân tộc học, văn hóa học, ngôn ngữ học,... Xét về bản chất cấu tạo, địa danh là một đơn vị từ ngữ, có chức năng định danh sự vật, do đó, địa danh là một bộ phận của từ vựng và vì vậy, trước hết, là đối tượng nghiên cứu của **ngôn ngữ học**. Trong tác phẩm *Địa danh học là gì?*, A.V.Superanskaja (2002: 3) đã xác định: “Địa danh học là một chuyên ngành của ngôn ngữ học, nghiên cứu các tên gọi địa lý, giải thích sự cấu tạo, lịch sử xuất hiện của chúng và phân tích ý nghĩa ban đầu của các từ cấu tạo nên địa danh”.

Đi theo khuynh hướng của ngôn ngữ học, người ta nghiên cứu địa danh ở ba bình diện: bình diện nghiên cứu cấu tạo (tức là nghiên cứu địa danh ở mặt đồng đại); bình diện nghiên cứu “nghĩa” của địa danh, tức là mỗi địa danh cho chúng ta biết cái gì; và bình diện nghiên cứu nguồn gốc địa danh. Cả ba bình diện nghiên cứu này tất yếu đều có liên quan đến phương thức định danh vì mỗi

một địa danh đều được xác lập theo nguyên tắc đặt tên nhất định. Phương thức định danh là phương pháp đặt tên cho đối tượng (Từ Thu Mai 2004). Các nhà nghiên cứu địa danh cho rằng, địa danh mang trong mình hai thông tin: *đối tượng được gọi tên thuộc loại hình địa lý nào* (núi, sông, xã, huyện...) thể hiện qua ý nghĩa của danh từ chung, và *nó có ý nghĩa nào đó* (khả năng phản ánh hiện thực) thể hiện qua tên riêng. Trong hai loại thông tin trên, mỗi loại đều có vai trò của riêng mình: thông tin đầu giúp con người nhận biết đối tượng một cách tổng quát, còn thông tin thứ hai nhằm xác định đối tượng cụ thể. Định danh, về bản chất, là nhằm trả lời câu hỏi người ta dựa vào đâu và bằng cách nào để đặt tên cho đối tượng để mỗi địa danh ra đời ít nhiều đều có “tính lý do” của nó.

Thao tác định danh gồm: xác định những đặc tính chung để phân nhóm, tức là lựa chọn thành tố chung (danh từ chung) cho đối tượng (ví dụ: *làng, thôn, cầu, bãi, khu du lịch...*), và lựa chọn những nét riêng để xác lập thành tố riêng (tên riêng) cho đối tượng. Ví dụ: Thành phố Đồng Hới có địa danh *xóm Cầu* vì xóm gồm những người làm nghề đi cầu, đánh bắt thủy sản. Với hai thao tác này, việc định danh phải lựa chọn từ ngữ nào, ký hiệu nào để làm phương tiện, xuất phát từ tính chất điển hình của đối tượng hoặc tâm thức chủ quan của chủ thể định danh.

¹ Thạc sĩ, Khoa Giáo dục Thường xuyên, Trường Đại học Quảng Bình

Qua khảo sát gần 5000 địa danh thu thập ở tỉnh Quảng Bình, chúng tôi nhận thấy, việc định danh tuân thủ các nguyên tắc chung về phương thức định danh như đã trình bày. Nét khác biệt (nếu có) là ở chỗ việc lựa chọn các thành tố riêng, cũng như cách gọi tên một số thành tố chung mà các địa danh ở vùng khác không có hoặc gọi bằng một tên chung khác.

Phương thức định danh, cấu tạo và ý nghĩa của địa danh luôn có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó. Tìm hiểu cấu tạo và ý nghĩa của địa danh cũng có nghĩa là phân tích cấu tạo của nó về ngữ pháp, từ vựng - ngữ nghĩa và ngữ âm. Cấu tạo của một địa danh bao giờ cũng liên quan đến hai yếu tố: *cấu trúc nội bộ và nguyên tắc đặt tên*. Cấu trúc nội bộ là đặc điểm về cấu tạo (hình thức), nguyên tắc đặt tên là đặc điểm về ý nghĩa (nội dung). Chẳng hạn như địa danh *thôn Phú Lộc* (xã Quảng Phú), xét về cấu trúc nội bộ là từ ghép đẳng lập của hai yếu tố *Phú* và *Lộc*. Về nguyên tắc đặt tên, từ này thể hiện nguyện vọng của con người về một vùng quê giàu có (Phú) và nhiều của cải (Lộc). Cấu trúc nội bộ và nguyên tắc đặt tên là hai phương diện tạo nên một mô hình khái quát của một phức thể địa danh.

Vấn đề này đã được nhiều tác giả đề cập đến như Trần Trí Dõi (2000), Nguyễn Văn Âu (1993), Nguyễn Kiên Trường (1996), Lê Trung Hoa (2006), Phan Xuân Đạm (2005),... Tuy có một số điểm khác nhau trong cách đưa ra các phương thức định danh xuất phát từ góc độ nghiên cứu riêng, nhưng về tổng thể, có thể thấy các cách đặt tên cho các đối tượng địa lý mà các tác giả đưa ra đều có thể quy về ba phương thức chủ yếu để tạo ra tên gọi địa danh: *phương thức tự tạo* (sử dụng các yếu tố ngôn ngữ có sẵn để định danh sự vật hiện tượng), *phương thức chuyển hoá* (lấy tên của một đối tượng địa lý này để gọi tên một đối tượng địa lý khác) và *phương thức vay mượn* (mượn tên của đối tượng địa lý bên ngoài để đặt tên cho đối tượng trong phạm vi địa bàn nghiên cứu). Tuy nhiên, theo chúng tôi, *vay mượn*, xét về bản chất cũng là một trong những hình thức *chuyển hoá*, cũng lấy tên của đối tượng này đặt tên cho đối tượng khác, tùy thuộc vào “lí do” đặt tên của chủ thể.

2. Phương thức định danh

Với quan niệm như trên, địa danh Quảng Bình được chúng tôi miêu tả theo hai phương thức: *tự tạo* và *chuyển hoá*. Kết quả khảo sát tư liệu địa danh thu thập được cho thấy phần lớn địa danh Quảng Bình được hình thành theo phương thức tự

tạo (hơn 70% trong tổng số gần 5000 địa danh), số còn lại được tạo ra theo phương thức chuyển hoá. Chỉ có một vài địa danh được đặt theo tiếng nước ngoài do các khám phá khoa học đối với các đối tượng địa lý mới như: *hang Over*, *hang Pygmy* (tiếng Anh) nằm trong hệ thống hang động của vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

2.1. Phương thức định danh tự tạo

Đây là phương thức đặt tên phổ biến không những trong tiếng Việt mà còn ở nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới, là phương thức mà chủ thể định danh sử dụng các yếu tố ngôn ngữ có sẵn để tạo ra một tên gọi địa danh theo cách của mình. Vùng Tây Nguyên đặt tên làng, bản, các công trình xây dựng mang những đặc điểm cấu tạo của địa hình miền núi. Địa danh Nam Bộ thì xuất phát từ đặc điểm địa hình sông nước, kênh rạch, gò nổi. Ở Hà Nội, 36 phố phường được đặt tên theo sự phân chia các khu vực buôn bán, nghĩa là dựa vào đặc điểm chính của bản thân đối tượng. Phần lớn các địa danh ở Quảng Bình cũng được tạo ra theo phương thức này. Sau đây là một số cách thức cụ thể:

2.1.1. Đặt tên dựa vào những đặc điểm chính của bản thân đối tượng

- *Đặt tên dựa vào hình dáng của đối tượng*: chủ yếu những địa danh chỉ địa hình tự nhiên. Chẳng hạn như: *núi U Bò* (hình dáng giống u bò), đoạn sông *Khút Bàu Ngược* (một khúc sông Kiên Giang chảy qua huyện Lệ Thủy) có dòng chảy giống cổ quả bầu quay ngược, *núi Răng Lược*, *rú Mông Gà* (trông giống mông con gà), *vực Tròn*, *cầu Bánh Tét*, *cầu Bông*, *chợ Ông*... đều đặt tên dựa vào hình dáng sự vật.

- *Dựa vào tính chất, đặc điểm chính của đối tượng* gồm các địa danh như: *Vung Lành* ở Quảng Trạch (vũng biển hiền hòa), *khe Gát* (khe nhiều cát), *rào Đá*, *suối Nước Mọc* (nước khe chảy đùn lên), *xóm Mới*, *khe Nước Đắng* ở Bố Trạch (xuất phát từ chỗ nước khe có vị hơi chát), *cống Phóng Thủy* (cống dùng để xả nước, ngăn nước phục vụ nông nghiệp)...

- *Dựa vào thời gian hoạt động của đối tượng* như: *chợ Hôm*, *chợ Mai* ở Lệ Thủy chỉ hoạt động vào buổi chiều tối (hôm) hoặc buổi buổi sáng (mai), *chợ Rằm Tháng Ba* ở Minh Hóa (chợ họp vào ngày 15/3 âm lịch hàng năm).

- *Gọi tên theo tính chất hoạt động của đối tượng* như: *chợ Đón* ở Bố Trạch (đón đầu chợ bán cuối chợ),

chợ Chạy ở Quảng Ninh (chợ không cố định, vừa mua bán vừa di chuyển, có tính chất kháng chiến chống Pháp), chợ Nấp ở Quảng Trạch (chợ nấp trong các lùm cây tránh máy bay địch bắn phá), chợ Bến ở Đồng Hới (chợ “trên bến dưới thuyền”, hoạt động trong 3 ngày Tết).

- Dựa vào sản vật đặc trưng mua bán tại địa phương: chợ Tru (Trâu), chợ Chè, chợ Cá, chợ Củi (chất đốt), chợ Gỗ (gỗ)...

- Dựa vào hoạt động đặc thù của đối tượng trong một hoàn cảnh và giai đoạn cụ thể, chẳng hạn như các nhánh đường của hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ: đường Gùi, đường Xe Đạp Thỏ, đường Kín, đường Hở (lộ thiên), đường Dây Thông Tin, đường Dẫn Dầu...

- Dựa vào kích thước của đối tượng: các địa danh về công trình xây dựng như cầu Ngấn, cầu Dài (ĐH)..., địa danh địa hình thiên nhiên: đồng Ngậy (lớn), đồng Mèn (nhỏ), ruộng Mọn (bé)....

- Đặt tên gắn với màu sắc đối tượng: sông Sơn (màu phù sa), bản Đất Đỏ, sông Vàng (Hoàng Giang), Lục Sơn, Hồng Giang, Lục Giang...

- Đặt tên theo vật liệu xây dựng đối tượng: một số cây cầu như cầu Sắt, cầu Gỗ, cầu Ván, cầu Đá Mài, cầu Xi Măng....

2.1.2. Dựa vào sự vật, yếu tố có quan hệ chặt chẽ với đối tượng

- Đặt tên theo vị trí của đối tượng so với đối tượng khác: các địa danh được xác định theo hướng không gian ba chiều, chủ yếu các đơn vị hành chính. Ví dụ: xã Tây Trạch, xã Nam Trạch (Bố Trạch), đồng Đá Mài Trong, đồng Đá Mài Ngoài (Thanh Trạch-Bố Trạch)...

- Đặt tên theo công trình xây dựng gắn đối tượng. Theo cách này có các địa danh: ngã ba Nông Trường Việt Trung (Bố Trạch), ngã ba Tam Tòa, bến đò Công Thượng (Đồng Hới), đồng Phú, giếng Đình...

- Đặt theo tên vật thể có nhiều ở nơi đó như các địa danh: dốc Sỏi, khe Đá Mài, rú Đá Đen, giếng Đá Chát...

- Đặt tên theo cảm thú sống hoặc nuôi ở đó: Phần lớn là thủy danh và sơn danh. Chẳng hạn như: lòi Hổ, cồn Trai, quán Hàu, cồn Ngựa, cồn Thân, cồn Tý...

- Đặt theo tên thực vật mọc hoặc trồng nhiều ở đó: việc dùng tên cây cỏ để đặt địa danh là một hiện tượng phổ biến. Có thể kể ra hàng loạt các tên như suối Khe Mung, suối Cây Sy, hói Tre, hoang Năn, làng Lệ Sơn (Núi Vải), khe Cây Xoài...

- Dựa vào các giai đoạn, biến cố lịch sử: khu Giao Tế (nơi tiếp đón các đoàn khách nước ngoài trong kháng chiến chống Mỹ), dinh Mười (nơi đồn trú của quân Nguyễn), thôn Nam Tiến, thôn 19/5 (kỷ niệm ngày sinh Hồ Chủ Tịch), tiểu khu Thống Nhất (ngày thống nhất đất nước), làng Trung Nghĩa (tên đơn vị quân Nguyễn từng đóng quân tại địa bàn).

2.1.3. Dùng số đếm, số thứ tự hoặc chữ cái để ghép đặt tên

Chủ yếu là địa danh hành chính và công trình giao thông. Địa danh dùng số từ chiếm số lượng nhiều: đường 20 Quyết Thắng, quốc lộ 15, tỉnh lộ 760, tổ dân phố 8, công 10, Quốc lộ 12C, đồi 26, đồi 37...

- Ghép địa danh với số thứ tự và ngược lại. Đó là các địa danh: Cầu Trại Gà 1, cầu Trại Gà 2 ở Đồng Hới, hoặc thôn 1 Thanh Lạng, thôn 2 Thanh Lạng, thôn 3 Thanh Lạng ở Tuyên Hóa...

- Ghép địa danh với địa danh: bản Eo Bù - Chút Mút (Lâm Thủy), khu du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng (Bố Trạch)...

2.1.4. Đặt tên trên cơ sở ghép các yếu tố Hán - Việt

Cách này thường dùng để đặt tên các đơn vị hành chính, mang tính hàm ý với các yếu tố như tân, an, bình, long, phú, lộc, thọ, mỹ... Theo đó tên làng Quảng Bình, ngoài tên Nôm, phần lớn đều dùng các yếu tố Hán - Việt để đặt: Thọ Linh, Lộc Long, An Xá, Mỹ Cảnh, Mỹ Hòa, Mỹ Duyệt...

Trong quá trình phát triển, lại có thêm những làng phái sinh mới. Những làng này thường giữ nguyên tên làng kết hợp với từ chỉ phương hướng để khỏi quên gốc làng cũ. Ví dụ: làng Lý Hòa thành Nội Hòa, Ngoại Hòa, Trung Hòa, Thượng Hòa (Hải Trạch-Bố Trạch), làng Thủy Lan thành Thủy Liên Thượng, Thủy Liên Trung, Thủy Liên Hạ (Sen Thủy-Lệ Thủy).

Sau năm 1975, nhiều làng cũ nhập thành một thôn mới, nhưng không dùng tên cũ. Chẳng hạn như xã An Ninh (Quảng Ninh) nay có 4 thôn là Hoàng Vinh, Thống Nhất, Đại Đồng, Quyết Thắng vốn bao gồm từ các làng Kim Nại, Cao Xuân, Hoàn Phở, Phúc Lương, Thu Thử, Phúc Nhĩ, Vinh Lộc.

Phần lớn các làng lại chọn kiểu số hóa như xã Bắc Trạch, Hạ Trạch, Mỹ Trạch, Nam Trạch (Bồ Trạch), Quảng Thạch, Quảng Liên, Quảng Kim (Quảng Trạch). Tên làng cũ mất đi và kéo theo nó là “những tấm bia hóa thạch” về văn hóa, lịch sử.

2.2. Phương thức định danh chuyển hóa

Bàn về phương thức chuyển hóa, tác giả Lê Trung Hoa (2006, tr. 69) cho rằng: “Chuyển hóa là phương thức chuyển một địa danh này thành một hoặc nhiều địa danh khác. Trong quá trình chuyển hóa, địa danh mới có thể giữ nguyên dạng của địa danh cũ, hoặc thêm một vài yếu tố mới. Sau khi chuyển hóa, địa danh cũ có thể mất đi hoặc cùng tồn tại với địa danh mới”.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, loại địa danh của một vùng đất được dùng để đặt tên cho một hoặc nhiều đối tượng địa lý khác nhau tương đối nhiều. Ví dụ: *sông Long Đại, cầu Long Đại, thôn Long Đại, chợ Long Đại; đèo Lý Hòa, cầu Lý Hòa, sông Lý Hòa, làng Lý Hòa*. Để tạo nên địa danh mới, có những hình thức chuyển hóa như sau:

2.2.1. *Chuyển hóa từ địa danh chỉ địa hình tự nhiên sang địa danh cư trú hành chính* bằng cách lấy tên địa hình, địa vật xung quanh đặt tên cho làng, bản. Loại địa danh này đa số thuần Việt và có nhiều trong địa danh thôn bản các dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn. Ví dụ: Chúng ta có các địa danh *bản Khe Giữa, bản Khe Sung, bản Rào Con, bản Dốc Mây, thôn Cồn Năn, thôn Cồn Sẻ...*

2.2.2. *Chuyển hóa từ địa danh lịch sử văn hóa sang địa danh cư trú hành chính* hoặc ngược lại như: *chiến khu Trung Thuần – làng Trung Thuần* ở Quảng Trạch, *làng Văn La - địa đạo Văn La* ở Quảng Ninh.

2.2.3. *Chuyển hóa từ nhân danh thành địa danh*, lấy tên những người khai hoang mở đất lập làng đặt tên cho xóm làng: *thôn Hoàng Trung Lộc, thôn Hoàng Đàm, thôn Ông Chinh, thôn Ông Tú...*; *Dựa vào tên người nổi tiếng trong vùng*: Đây là tên của những nhân vật đã từng sinh sống trên vùng đất Quảng Bình và gắn với các sự kiện lịch sử, sự tích, truyền thuyết ở địa bàn. Đó là các địa danh như *Lũy Thầy, đường Quách Xuân Kỳ, đường Mẹ Suốt, bến đò Mẹ Suốt, thôn Hoàng Trung Lộc...*

Nhân danh được nói đến ở đây còn là tên các anh hùng dân tộc, các vị vua chúa, các danh nhân văn hóa, lịch sử. Chuyển hóa từ tên người thành tên địa danh là một hình thức phổ biến. Thời xưa,

vi tục kiêng húy nên người ta không dùng tên danh nhân để đặt tên cho các đối tượng địa lý. Ngày nay, địa danh phổ phùng, các công trình nhân tạo khắp cả nước đều lấy tên của danh nhân để đặt, một hình thức tri ân những người đã khuất. Quảng Bình cũng đặt tên đường phố theo tên các vị danh nhân, anh hùng dân tộc, các vua chúa. Chẳng hạn như tên các con đường trong thành phố Đồng Hới: *Phan Đình Phùng, Hung Đạo Vương, Lê Thánh Tông, Lý Thường Kiệt, Quang Trung, Nguyễn Trãi, Bà Huyện Thanh Quan...*

2.2.4. *Chuyển hóa từ tên các nhân vật trong truyền thuyết thần thoại, tín ngưỡng dân gian*. Cách đặt tên này phổ biến ở vùng rừng núi phía Tây Quảng Bình, nơi có các tộc người thiểu số sinh sống. Cư dân ở đây, ngoài cách gọi tên đối tượng địa lý theo muông thú, cây cỏ có tại địa bàn, còn định danh dựa vào thần linh, truyền thuyết, tín ngưỡng bằng tiếng của họ, mang sắc thái rất riêng của văn hóa bản địa, điển hình ở tộc người Nguồn (Minh Hóa). Chẳng hạn như: *núi Cu Lôông* (tên thần núi), *eo Ông Đùng* (nhân vật truyền thuyết người Nguồn), *lèn Mẹ Ngó* (*mẹ/bà ngóng trông/nhìn* theo truyện dân gian Nguồn), *đèo Mụ Dạ* (*dạ* tiếng Nguồn nghĩa là *chết/tàn lụi*), *thác Pụt* (theo tín ngưỡng thờ *Pụt* của người Nguồn)...

2.2.5. *Chuyển hóa trong nội bộ địa danh*: lấy tên làng gốc đặt cho tên làng thành lập sau. Ví dụ: *xã Cự Năm* có tên gốc là *làng Cự Năm*, sau đó tách chia thành các thôn *Sen Năm, Trung Năm, Tân Năm* (thuộc Bồ Trạch).

2.2.6. *Chuyển hóa thành tổ chung của địa danh chỉ các loại hình đối tượng địa lý khác thành một yếu tố cấu tạo tên riêng địa danh*: Có khi yếu tố đó đứng độc lập và thành tên riêng địa danh cư trú như: *thôn Bàu, Bàu Sỏi, xóm Bến, xóm Cồn, xóm Cầu...* Có những tên làng được lấy thành tổ chung trong địa danh làm tên riêng cho mình: *thôn Làng, xóm Làng, xóm Thôn...* Lại có những tên riêng địa danh cư trú không tuân theo thứ tự từ lớn xuống bé như: *thị trấn – huyện – xã – thôn (làng) – xóm – chòm*. Đó là xã Quảng Thuận (Quảng Trạch) gồm: *xóm Cầu, xóm Bến, xóm Đình, xóm Chợ, xóm Hội, xóm Đồng, xóm Môn, xóm Dinh, xóm Me, xóm Nam, xóm Cồn*. Xã Quảng Phong thì lại chia: *chòm 1, chòm 2... chòm 8, chòm Cầu*. Đây là một đặc điểm, một nét riêng của địa danh cư trú hành chính ở Quảng Bình.

2.2.7. *Chuyển hóa từ địa danh ở địa phương khác*: Đất Quảng Bình đã từng chứng kiến ba cuộc

thiên di lớn nhất trong lịch sử đất nước kể từ thời nhà Lý (1069) sau khi Lý Thường Kiệt mang vùng đất này trở về với Đại Việt từ Chiêm Thành. Những dòng người di cư từ Bắc vào với truyền thống “ly hương bất ly tổ” mang theo tên làng cũ đặt cho làng mới như: *làng Bắc Sơn, Bắc Giang, Hòa Bình, Phú Xuân, Thuận Hóa...* Làng *Cánh Dương* di cư từ Nghệ An vào (nguyên trước là trang *Cánh Dương*, huyện *Chân Phúc*, phủ *Đức Quang*, tỉnh *Nghệ An*). Làng *Thổ Ngọa* được đặt từ hai chữ đầu của hai làng: *Thổ Vượng* và *Ngọa Kiều* thuộc huyện *Can Lộc*, *Hà Tĩnh*. Làng *Mỹ Lộc* (Kê Sóc) có nguồn gốc từ *Sóc Sơn*, *Thanh Hóa*. Làng *Hà Thôn* (Bảo Ninh), làng *Lộc An*, *Đại Phong* (Lệ Thủy) cũng có gốc gác từ tên làng ở Nghệ An. Làng *Phù Lưu* có gốc từ *Quỳnh Lưu*, *Nghệ An*.

4. Kết luận

Từ kết quả thống kê, phân loại và miêu tả các địa danh ở Quảng Bình về mặt phương thức định danh, chúng tôi đi đến những nhận xét sau:

- Hầu hết các địa danh ở Quảng Bình được tạo ra chủ yếu bởi hai phương thức định danh phổ biến: phương thức tự tạo và phương thức chuyển

hoá, trong đó, phương thức tự tạo đóng vai trò chủ đạo trong việc tạo ra phần lớn các địa danh. Cách định danh đối tượng địa lý của người Quảng Bình, ngoài những nét chung như các địa phương khác, còn có những nét riêng rất lý thú, phản ánh sắc thái văn hóa bản địa như *tên chợ, tên đường, tên làng...*

- Thành tố chung trong địa danh Quảng Bình bên cạnh chức năng phản ánh loại hình địa danh, khái quát hoá các đối tượng địa lý, còn góp phần tích cực trong việc tạo ra những địa danh mới theo *phương thức chuyển hoá thành tố chung*, biểu thị khả năng chuyển hoá các danh từ chung thành các danh từ riêng trong tiếng Việt.

- Ngoài một vài địa danh tiếng nước ngoài, có thể khẳng định địa danh Quảng Bình hầu hết không hình thành theo phương thức vay mượn. Bên cạnh đa số các địa danh gốc thuần Việt và Hán Việt, trong địa danh Quảng Bình còn có mảng địa danh các dân tộc thiểu số được hình thành với cách định danh đặc sắc theo truyền thuyết, tín ngưỡng, mang dấu ấn văn hóa của tộc người. Những điều trên sẽ là tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo về đặc điểm ý nghĩa và đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa thể hiện trong địa danh.

Tài liệu tham khảo

Dương, Văn An. 1997. *Ô Châu cận lục*. Dịch. Viện nghiên cứu Hán Nôm. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Lê, Trung Hoa. 2006. *Địa danh học Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Lê, Trung Hoa. 2010. *Địa danh Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Dân trí.

Nguyễn, Kiên Trường. 1996. “Những đặc điểm chính của địa danh Hải Phòng” (trong vài nét đối sánh với địa danh Việt Nam). Luận án Phó tiến sĩ, Khoa học Ngữ văn, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

Nguyễn, Văn Âu. 1993. *Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Phan, Xuân Đạm. 2005. “Địa danh Nghệ An”. Luận án tiến sĩ Ngôn ngữ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

Superanskaja, A.V. 2002. *Địa danh học là gì?*. Đinh, Lan Hương dịch, Nguyễn, Xuân Hòa hiệu đính. Hà Nội.

Trần, Trí Dõi. 2000a. *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa xã hội*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.

Trần, Trí Dõi. 2000b. “Về địa danh Cửa Lò”. *Tạp chí Văn hóa dân gian* (3), tr. 43 – 46.

Từ, Thu Mai. 2004. “Nghiên cứu địa danh Quảng Trị”. Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Quốc gia Hà Nội - Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Hà Nội.